Phụ biểu tham khảo: Kỳ kiêng giữ thân và các điều thiên kỵ, địa kỵ, nhân kỵ

Mục lục

Nguồn và cách đọc.....4
Các kỳ kiêng từng tháng.....6
Các điều phụ ky.....38
Ghi chú về những điểm chưa rõ trong nguồn.....49

Phụ biểu tham khảo: Kỳ kiêng giữ thân và các điều thiên kỵ, địa kỵ, nhân kỵ

Bản dịch bổ sung từ nguồn tham khảo bên ngoài, đã được tác nhân AI đối chiếu độc lập ngày 21 tháng 10 năm 2026. Những điểm chưa rõ trong nguồn vẫn được ghi chú; đây không phải xác nhận của biên tập viên bản ngữ là con người và không thay đổi nguyên bản.

Nguồn và cách đọc

Bản TXT của Âm luật vô tình chỉ dẫn tên bảng ở dòng nguồn 1803 và báo rằng không thể trình bày bảng trong tệp TXT. Phụ biểu này lấy từ bản bạch thoại Thọ Khang Bảo Giám do Ấn Quang biên đính, đệ tử Tam Bảo dịch, trang Giới Tà Dâm hiệu chỉnh; bản in ghi Tô Châu Hoằng Hóa Xã và Hội Nghiên cứu Văn hóa Thọ Khang thành phố Thương Khâu cùng ấn tặng. Dùng các trang PDF 168 –184 (trang in 165–181). Chưa xác định năm in, và không khẳng định đây là đúng ấn bản đã được bản TXT dẫn đến.

Các lời khuyên, quả báo, quan niệm y học và khẳng định về sinh sản dưới đây thuộc nguồn tôn giáo lịch sử, không phải lời tư vấn sức khỏe hiện đại hay sự xác nhận của người dịch. Trong bảng, “kiêng” là kiêng giao hợp; “phạm” là vi phạm điều kiêng ấy. Kỷ và toán là đơn vị giảm thọ theo nguồn, không phải đơn vị y học: một kỷ mười hai năm, một toán một trăm ngày.

Tháng, ngày đều theo âm lịch và hệ can chi của nguồn, không quy đổi sang dương lịch. Mỗi hàng giữ chung các việc và cột quả báo trong cùng một ngày, theo thứ tự nguồn; không tự ghép từng việc với từng quả báo. Dấu “—” chỉ ô nguồn không ghi riêng, không có nghĩa là không có quả báo. Các ô gộp được chú rõ trong phần phụ ký. Những lời chú chiếm trọn hàng vẫn là lời chú chung

cho hàng ấy; dấu gạch ở các ô còn lại không tách chúng thành một mục có quả báo trống.

Các kỳ kiêng từng tháng

Tháng 1

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Lễ Thiên lạp Ngọc Đế xét thần khí, phúc lộc và thọ mệnh của người đời Ngày sóc (đầu tháng)	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ (một kỷ là mười hai năm, một toán là một trăm ngày; trừ kỷ hay trừ toán đều là giảm tuổi thọ) Bị trừ kỷ
3	Muôn thần hội họp Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
5	Ngày kỵ ngũ hư (theo cách gọi của y học cổ truyền trong nguồn: mạch nhỏ, da lạnh, đại tiểu tiện mất kiểm soát, không ăn uống được và chân khí không đủ)	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
6	Ngày kỵ lục hao (sáu thứ bệnh do âm, dương, tối, sáng, gió và mưa gây ra theo nguồn) Ngày trai giới kính thần Sấm (tháng nào cũng vậy)	Bị giảm tuổi thọ
7	Ngày Thượng hội	Bị tổn thọ
8	Ngày đản sinh Diêm La Thiên Tử, điện thứ năm Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy)	Bị trừ kỷ
9	Ngày đản sinh Ngọc Hoàng Thượng Đế	Bị trừ kỷ
13	Ngày kỵ Dương Công	—
14	Các thần Tam Nguyên giáng xuống Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy)	Bị giảm tuổi thọ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
15	Các thần Tam Nguyên giáng xuống Hội thần Thượng Nguyên Ngày vọng (rằm) (tháng nào cũng vậy) Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy)	Bị giảm tuổi thọ Bị trừ kỷ Bị trừ kỷ
16	Các thần Tam Nguyên giáng xuống	Bị giảm tuổi thọ
19	Ngày đản sinh Trường Xuân Chân Nhân	—
23	Thần Tam Thi tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy)	—
25	Ngày hối (cuối tháng) (tháng nào cũng vậy) Ngày kho trời đất mở	Bị giảm tuổi thọ Bị tổn thọ, con mang bệnh
27	Thần Đẩu giáng xuống (tháng nào cũng vậy)	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
28	Nhân thần ở vùng âm bộ (tháng nào cũng vậy) (nên bắt đầu kiêng từ một ngày trước)	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy)	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc (tháng nào cũng vậy) Tứ Thiên Vương tuần hành (tháng nào cũng vậy; nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 2

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Tần Quảng Vương, điện thứ nhất	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
2	Muôn thần hội họp Ngày đản sinh Phúc Đức Thổ Địa Chính Thần	Bị trừ kỷ Gặp họa
3	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Văn Xương Đế Quân	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
6	Ngày trai giới kính thần Sấm Ngày đản sinh Đông Nhạc Đế Quân	Bị giảm tuổi thọ
8	Ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni xuất gia Ngày đản sinh Tống Đế Vương Ngày đản sinh Trương Đại Đế Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
11	Ngày kỵ Dương Công	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
15	Ngày Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Đại Niết-bàn Ngày vọng (rằm) Ngày đản sinh Thái Thượng Lão Quân Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
17	Ngày đản sinh Đỗ Tướng Quân ở phương Đông	—
18	Ngày đản sinh Ngũ Quan Vương, điện thứ tư Ngày giỗ Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
19	Ngày đản sinh Quán Âm Đại Sĩ	Bị trừ kỷ
21	Ngày đản sinh Bồ Tát Phổ Hiền	—
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 3

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Sở Giang Vương, điện thứ hai	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Huyền Thiên Thượng Đế	Bị trừ kỷ
6	Ngày trai giới kính thần Sấm	Bị giảm tuổi thọ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
8	Ngày đản sinh Biện Thành Vương, điện thứ sáu Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
9	Thần Ngưu Quỷ xuất hiện Ngày kỵ Dương Công	Sinh thai xấu
12	Ngày đản sinh Ngũ Đạo ở trung ương	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
15	Ngày vọng (rằm) Ngày đản sinh Huyền Đàn Ngày đản sinh Hạo Thiên Thượng Đế Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
16	Ngày đản sinh Bồ Tát Chuẩn Đề	Bị trừ kỷ
18	Ngày đản sinh Trung Nhạc Đại Đế Ngày đản sinh Hậu Thổ Nương Nương Tam Mao giáng xuống	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
20	Ngày kho trời đất mở Ngày đản sinh Tử Tôn Nương Nương	Bị tổn thọ
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Thái Sơn Vương, điện thứ bảy	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ Ngày đản sinh Chí Thánh Tiên Sư Thương Hiệt	Mắc bệnh Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 4

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Đô Thị Vương, điện thứ tám	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
4	Muôn thần giáo hóa hướng thiện Ngày đản sinh Bồ Tát Văn Thù	“失瘏” [chữ trong nguồn còn chưa rõ]; thai chết yểu
6	Ngày trai giới kính thần Sấm	Bị giảm tuổi thọ
8	Ngày đản sinh Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Muôn thần giáo hóa hướng thiện Thiện Ác Đồng Tử giáng xuống Ngày đản sinh Bình Đẳng Vương, điện thứ chín Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ “失瘏” [chữ trong nguồn còn chưa rõ]; thai chết yểu Chết vì máu

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
14	Ngày đản sinh Thuần Dương Tổ Sư Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị giảm tuổi thọ
15	Ngày vọng (rằm) Ngày đản sinh Chung Ly Tổ Sư Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
16	Ngày kho trời đất mở	Bị tổn thọ
17	Ngày đản sinh Chuyển Luân Vương, điện thứ mười	Bị trừ kỷ
18	Ngày kho trời đất mở Ngày đản sinh Tử Vi Đại Đế	Bị giảm tuổi thọ
20	Ngày đản sinh Nhãn Quang Thánh Mẫu	—
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu gặp tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 5

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Nam Cực Trường Sinh Đại Đế	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
5	Lễ Địa lạp Ngũ Đế xét định quan tước của con người Ngày cửu độc Ngày kỵ Dương Công	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
6	Ngày cửu độc Ngày trai giới kính thần Sấm	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
7	Ngày cửu độc	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
8	Ngày đản sinh Ngũ Đạo ở phương Nam Tứ Thiên Vương tuần hành	—
11	Ngày kho trời mở Ngày đản sinh Đô Thành Hoàng trong thiên hạ	Bị tổn thọ
12	Ngày đản sinh Bỉnh Linh Công	—
13	Quan Thánh giáng thần	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
14	Tứ Thiên Vương tuần hành Giờ Tý ban đêm là lúc trời đất giao thái	Cả hai vợ chồng chết trong vòng ba năm

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
15	Ngày vọng (rằm) Ngày cửu độc Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
16	Ngày cửu độc Ngày nguyên khí trời đất sinh hóa muôn vật	Cả hai vợ chồng chết trong vòng ba năm
17	Ngày cửu độc	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
18	Ngày đản sinh Trương Thiên Sư	—
22	Ngày đản sinh thần Hiếu Nga	Bị trừ kỷ
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày cửu độc Ngày hối (cuối tháng)	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
26	Ngày cửu độc	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
27	Ngày cửu độc Thần Đẩu giáng xuống	Chết yểu, gặp tai họa bất ngờ khó lường
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Chú của nguồn: Trong tháng này, nên kiêng trọn tháng mới phải.

Tháng 6

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng)	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống Ngày kỵ Dương Công	Bị trừ kỷ
4	Chuyển đại pháp luân ở Nam Thiệm Bộ Châu	Bị tổn thọ
6	Ngày kho trời mở Ngày trai giới kính thần Sấm	Bị tổn thọ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
8	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
10	Ngày đản sinh Kim Túc Như Lai	—
13	Ngày đản sinh Tỉnh Tuyền Long Vương	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
15	Ngày vọng (rằm) Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
19	Quán Âm Đại Sĩ nhập Niết-bàn (ngày thành đạo)	Bị trừ kỷ
23	Ngày đản sinh Hỏa Thần phương Nam Tứ Thiên Vương tuần hành	Gặp hỏa hoạn
24	Ngày đản sinh Lôi Tổ Ngày đản sinh Quan Đế	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 7

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày hối (cuối tháng) Ngày kỵ Dương Công	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
5	Ngày Trung hội Có bản chép là mồng 7	Bị tổn thọ
6	Ngày trai giới kính thần Sấm	Bị giảm tuổi thọ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
7	Lễ Đạo Đức lạp Ngũ Đế xét thiện ác của người sống Ngày đản sinh Khôi Tinh	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
8	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
10	Ngày âm độc, hết sức kiêng kỵ	—
12	Ngày đản sinh Trường Chân Đàm Chân Nhân	—
13	Ngày đản sinh Bồ Tát Đại Thế Chí	Bị giảm tuổi thọ
14	Các thần Tam Nguyên giáng xuống Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị giảm tuổi thọ
15	Ngày vọng (rằm) Các thần Tam Nguyên giáng xuống Địa Quan xét sổ Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
16	Các thần Tam Nguyên giáng xuống	Bị giảm tuổi thọ
18	Ngày đản sinh Tây Vương Mẫu	Bị trừ kỷ
19	Ngày đản sinh Thái Tuế	Bị trừ kỷ
22	Ngày đản sinh Tăng Phúc Tài Thần	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Ngày kỵ Dương Công Tứ Thiên Vương tuần hành	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
30	Ngày đản sinh Bồ Tát Địa Tạng Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị trừ kỷ Bị giảm tuổi thọ

Tháng 8

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Hứa Chân Quân	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Bắc Đẩu Ngày đản sinh Tư Mệnh Táo Quân	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ Gặp hỏa hoạn
5	Ngày đản sinh Lôi Thanh Đại Đế	Bị trừ kỷ
6	Trai giới kính thần Sấm	Bị giảm tuổi thọ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
8	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
10	Ngày đản sinh Bắc Đẩu Đại Đế	—
12	Ngày đản sinh Ngũ Đạo ở phương Tây	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
15	Ngày vọng (rằm) Thái Âm chầu Nguyên (nên đốt hương thức đêm) Tứ Thiên Vương tuần hành	Chết đột ngột
16	Lược Xoát Chân Quân thuộc Thiên Tào giáng xuống	Nghèo khó, chết yểu
18	Ngày trời và người gây dựng phúc lành (nên trai giới, giữ tâm nghĩ đến điều lành)	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
23	Tứ Thiên Vương tuần hành Ngày đản sinh Hán Hoàn Hầu Trương Hiển Vương	—
24	Ngày đản sinh phu nhân Táo Quân	—
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử Ngày kỵ Dương Công	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ Bốn trời hội bàn công việc	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Chư thần khảo xét Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị trừ kỷ Bị trừ toán

Tháng 9

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng) Ngày đản sinh Nam Đẩu Từ mồng 1 đến mồng 9, chín sao Bắc Đẩu giáng xuống (cả chín ngày này đều nên trai giới)	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ Bị trừ kỷ
3	Ngày đản sinh Ngũ Ôn Thần	—
8	Tứ Thiên Vương tuần hành Ngày đản sinh Đẩu Mẫu Ngày đản sinh Phong Đô Đại Đế Huyền Thiên Thượng Đế phi thăng	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
10	Đẩu Mẫu giáng xuống	Bị trừ kỷ
11	Nên kiêng giao hợp	—
13	Ngày đản sinh Mạnh Bà Tôn Thần	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
15	Ngày vọng (rằm) Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
17	Ngày đản sinh Kim Long Tứ Đại Vương	Tai nạn đường nước
19	Nhật cung và nguyệt cung hội hợp Ngày Bồ Tát Quán Thế Âm xuất gia	Bị giảm tuổi thọ
23	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
25	Ngày hối (cuối tháng) Ngày kỵ Dương Công	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
30	Ngày đản sinh Đức Phật Dược Sư Lưu Ly Quang Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bệnh nguy kịch Bị giảm tuổi thọ

Tháng 10

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày hối (cuối tháng) Lễ Dân Tuế lạp Tứ Thiên Vương giáng xuống	Bị trừ kỷ Chết trong vòng một năm
3	Thần Đẩu giáng xuống Ngày đản sinh Tam Mao	Bị trừ kỷ
5	Ngày Hạ hội Ngày đản sinh Đạt Ma Tổ Sư	Bị tổn thọ
6	Thiên Tào xét việc	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
8	Ngày Phật nhập Niết-bàn, hết sức kiêng sắc dục Tứ Thiên Vương tuần hành	—
10	Tứ Thiên Vương giáng xuống	Chết trong vòng một năm
11	Nên kiêng giao hợp	—
14	Các thần Tam Nguyên giáng xuống Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị giảm tuổi thọ
15	Ngày vọng (rằm) Các thần Tam Nguyên giáng xuống Thủy phủ xét sổ vào Hạ Nguyên Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
16	Các thần Tam Nguyên giáng xuống	Bị giảm tuổi thọ
23	Ngày kỵ Dương Công Tứ Thiên Vương tuần hành	—

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
25	Ngày hối (cuối tháng)	Bị giảm tuổi thọ
27	Thần Đẩu giáng xuống Bắc Cực Tử Vi Đại Đế giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 11

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng)	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
4	Ngày đản sinh Chí Thánh Tiên Sư Khổng Tử	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
6	Ngày đản sinh Tây Nhạc Đại Đế	Bị giảm phúc lộc, trừ kỷ
8	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
11	Ngày kho trời mở Ngày đản sinh Thái Ất Cứu Khổ Thiên Tôn	Bị trừ kỷ
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
15	Ngày vọng (rằm) Tứ Thiên Vương tuần hành Phạm vào nửa đầu đêm Phạm vào nửa sau đêm	Người nam chết Người nữ chết
17	Ngày đản sinh Đức Phật A Di Đà	—
19	Ngày đản sinh Thái Dương Nhật Cung	Tai họa bất thường
21	Ngày kỵ Dương Công	—
23	Ngày đản sinh Trương Tiên Tứ Thiên Vương tuần hành	Tuyệt tự

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
25	Lược Xoát Đại Phu giáng xuống Ngày hối (cuối tháng)	Đại hung
26	Ngày đản sinh Ngũ Đạo ở phương Bắc	—
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Ngày hối (cuối tháng) Tư Mệnh tâu việc Tứ Thiên Vương tuần hành (nếu là tháng thiếu thì kiêng vào ngày 29)	Bị giảm tuổi thọ

Tháng 12

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
1	Ngày sóc (đầu tháng)	Bị trừ kỷ
3	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
6	Tháng kho trời mở [nguồn in 开月; dị bản chép 开日, “ngày kho trời mở”] Ngày trai giới kính thần Sấm	Bị giảm tuổi thọ
8	Lễ Vương Hầu lạp Ngày Thích Ca Như Lai thành đạo Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
12	Thái Tố Tam Nguyên Quân chầu Chân	—
14	Tứ Thiên Vương tuần hành	—
15	Ngày vọng (rằm) Tứ Thiên Vương tuần hành	Bị trừ kỷ
16	Ngày đản sinh Nam Nhạc Đại Đế	—
19	Ngày kỵ Dương Công	—
20	Trời đất giao đạo	Tuổi thọ bị rút ngắn

Ngày	Việc được nguồn nêu làm lý do kiêng	Cột quả báo trong nguồn
21	Ngày đản sinh Thiên Du Thượng Đế	—
23	Thần Ngũ Nhạc giáng xuống Tứ Thiên Vương tuần hành	—
24	Tư Mệnh lên chầu trời, tâu việc thiện ác của con người	Đại họa
25	Tam Thanh và Ngọc Đế cùng giáng xuống xét thiện ác	Tai họa bất thường
27	Thần Đẩu giáng xuống	Bị trừ kỷ
28	Nhân thần ở vùng âm bộ	Mắc bệnh
29	Ngày đản sinh Bồ Tát Hoa Nghiêm Tứ Thiên Vương tuần hành	—
30	Chư thần giáng xuống, dò xét việc thiện ác	Nam nữ phạm điều kiêng đều chết

Ngày mang can Mậu trong mười ngày đầu tháng. Đây là điều kiện ngày riêng, không chỉ thuộc mồng 8; nguồn không ghi riêng quả báo cho điều kiện này.

Lời phê: Các kỳ kiêng nêu trên cộng lại là hai trăm hai mươi lăm ngày mỗi năm. Tháng nhuận theo tháng trước. Đây đều là những ngày cố định trong mỗi tháng.

Các điều phụ ky

Các tháng có hai tiết phân

Mục	Nội dung 2	Nội dung 3	Nội dung 4
Xuân phân	Sấm sắp vang.	Người phạm sẽ sinh con có ngũ quan, tứ chi không đầy đủ; cha mẹ gặp tai họa.	Nên bắt đầu kiêng từ tiết Kinh trập, kiêng qua một tháng.
Thu phân	Khí sát dần mạnh, dương khí ngày một suy.	—	Nên bắt đầu kiêng từ tiết Bạch lộ, kiêng qua một tháng.

Mục	Nội dung 2	Nội dung 3	Nội dung 4
Ba ngày trước và ba ngày sau mỗi tiết này, tính cả ngày tiết là bảy ngày: phạm thì nhất định mắc bệnh nguy kịch; càng phải nghiêm kiêng.	—	—	—

Các tháng có hai tiết chí

Mục	Nội dung 2
Hạ chí	Âm dương tranh nhau, là lúc phân định sống chết. Nên bắt đầu kiêng từ tiết Mang chủng, kiêng qua một tháng.
Đông chí	Âm dương tranh nhau, là lúc phân định sống chết. Nên bắt đầu kiêng từ tiết Đại tuyết, kiêng qua một tháng.

Mục	Nội dung 2
Hai tiết này là lúc âm dương giao nhau giữa dứt và nối, cần kiêng kỵ nhất. Ba ngày trước và ba ngày sau mỗi tiết chí, tính cả ngày tiết là bảy ngày: phạm thì nhất định mắc bệnh cấp tính; càng phải nghiêm kiêng.	—

Đông chí

Ô quả báo ở bên phải áp dụng chung cho cả hai dòng thời điểm dưới tiêu đề Đông chí.

Mục	Nội dung 2
Giờ Tý giữa đêm	Phạm vào các thời điểm này đều được nguồn cho là sẽ chết trong vòng một năm.
Những ngày Canh, Tân sau đó; ngày Tuất thứ ba.	—

Những kỳ kiêng khác

Ngày Tam Nguyên: phạm thì giảm thọ năm năm. Rằm tháng giêng, rằm tháng 7 và rằm tháng 10 âm lịch lần lượt là Thượng Nguyên, Trung Nguyên và Hạ Nguyên.

Bốn ngày lập tiết (Lập xuân, Lập hạ, Lập thu, Lập đông); bốn ngày ly (ngày trước Đông chí, Hạ chí, Xuân phân, Thu phân); bốn ngày tuyệt (ngày trước bốn ngày lập tiết); hai ngày xã (ngày Mậu thứ năm sau Lập xuân là Xuân xã, ngày Mậu thứ năm sau Lập thu là Thu xã): phạm đều giảm thọ năm năm.

Thụ thai vào ngày xã thì tóc và lông của con đều trắng.

Các ngày tam phục (sơ phục, trung phục, mạt phục, mỗi phục mười ngày); ngày huyền (thượng huyền vào mồng 7, mồng 8; hạ huyền vào ngày 22, 23); ngày hối (ngày cuối cùng mỗi tháng); ba ngày Tân trong mỗi tháng: phạm đều giảm thọ một năm. Nguồn nhắc lại: sơ phục, trung phục, mạt phục, mỗi phục mười ngày.

Ngày Giáp Tý, ngày Canh Thân, ngày Thái Tuế, ngày dâng hương, giữ trai giới, cúng tạ Phật: phạm đều giảm thọ một năm.

Ngày giỗ tổ tiên, ngày sinh và ngày giỗ cha mẹ: phạm đều giảm thọ một năm.

Ngày sinh hằng năm của mỗi người trong hai vợ chồng (nguồn dùng cụm 本命诞日): phạm đều bị giảm tuổi thọ.

Ngày Bính, ngày Đinh, ngày kho trời đất mở: phạm đều mắc bệnh.

Ngày hủy bại: ngày 18 của tháng đủ, ngày 17 của tháng thiếu. Phạm thì mắc bệnh.

Các ngày thập ác đại bại: năm Giáp hoặc Kỷ có ngày Mậu Tuất tháng 3, Quý Hợi tháng 7, Bính Thân tháng 10, Đinh Hợi tháng 11. Năm Ất hoặc Canh có ngày Nhâm Thân tháng 4, Ất Tỵ tháng 9. Năm Bính hoặc Tân có ngày Tân Tỵ tháng 3, Canh Thìn tháng 9, Giáp Thìn tháng 10. Năm Đinh hoặc Nhâm không có ngày kỵ thuộc mục này. Năm Mậu hoặc Quý có ngày Kỷ Sửu tháng 6. Đây đều là những ngày rất bất cát, nên kiêng.

Ngày âm thác

Lời giải ở cột cuối là ô gộp, áp dụng chung cho cả mười hai ngày được liệt kê.

Mục	Nội dung 2	Nội dung 3	Nội dung 4	Nội dung 5
Tháng giêng, ngày Canh Tuất	Tháng 2, ngày Tân Dậu	Tháng 3, ngày Canh Thân	Tháng 4, ngày Đinh Mùi	Đây là những ngày âm không đủ, đều nên kiêng.
Tháng 5, ngày Bính Ngọ	Tháng 6, ngày Đinh Tỵ	Tháng 7, ngày Giáp Thìn	Tháng 8, ngày Ất Mão	—
Tháng 9, ngày Giáp Dần	Tháng 10, ngày Quý Sửu	Tháng 11, ngày Nhâm Tý	Tháng 12, ngày Quý Hợi	—

Ngày dương thác

Lời giải ở cột cuối là ô gộp, áp dụng chung cho cả mười hai ngày được liệt kê.

Mục	Nội dung 2	Nội dung 3	Nội dung 4	Nội dung 5
Tháng giêng, ngày ‘Thân Dần’ (申寅, giữ nguyên chữ đáng ngờ trong nguồn)	Tháng 2, ngày Ất Mão	Tháng 3, ngày Giáp Thìn	Tháng 4, ngày Đinh Tỵ	Đây là những ngày dương không đủ, đều nên kiêng.
Tháng 5, ngày Bính Ngọ	Tháng 6, ngày Đinh Mùi	Tháng 7, ngày Canh Thân	Tháng 8, ngày Tân Dậu	—
Tháng 9, ngày Canh Tuất	Tháng 10, ngày Quý Hợi	Tháng 11, ngày Nhâm Tý	Tháng 12, ngày Quý Sửu	—

Lời phê: Mỗi năm nên theo sách lịch Thời Hiến, tra rõ các kỳ kiêng nêu trên từng tháng, chép ra rồi kẹp vào quyển sách này để tuân theo mà kiêng giữ.

Thiên kỵ: cần nghiêm kiêng

Mục	Nội dung 2
Nóng bức dữ dội hoặc rét buốt.	Phạm thì mắc bệnh nặng không cứu được.
Gió dữ, sấm mưa; trời đất tối tăm; nhật thực, nguyệt thực; cầu vồng hiện ra, đất rung chuyển.	Phạm thì sinh quái vật, bản thân chết.
Ban ngày; dưới ánh sao trăng; trước ánh đèn lửa.	Phạm đều bị giảm tuổi thọ.

Địa kỵ: cần nghiêm kiêng

Mục	Nội dung 2
Trong miếu, chùa, đạo quán hoặc điện thờ.	Phạm thì phúc lộc và tuổi thọ bị giảm nhiều.
Bên giếng, bếp, nhà xí; cạnh vườn hoang, mồ mả, thi thể hoặc quan tài.	Phạm thì ác thần nhập thai, lại sinh quái vật và bản thân chết.

Nhân kỵ: cần nghiêm kiêng

Mục	Nội dung 2
Uất giận	Giận dữ làm hại gan; phạm thì nhất định mắc bệnh.

Mục	Nội dung 2
Đi xa	Giao hợp rồi đi một trăm dặm thì mắc bệnh; đi một trăm dặm rồi giao hợp thì chết.
Say rượu, ăn no	Giao hợp khi say hoặc no làm ngũ tạng đảo lộn.
Bụng đói	Phạm thì tổn hại nguyên thần.
Sau khi bệnh	Phạm thì bệnh biến chứng, tái phát.
Trong thai kỳ	Phạm thì tổn hại thai. Vì vậy, từ khi có thai nên ngủ riêng giường, dứt chuyện dục. Một là nghiêm theo lời dạy về dưỡng thai; nhờ vậy tránh nạn sẩy thai cùng các bệnh mà nguồn gọi là thai độc, thai tụy, chứng ban và đậu nguy hiểm, du phong, kinh giản, nha cam ở trẻ. Hai là con sinh ra, trai nhất định đoan nghiêm ngay thẳng, gái nhất định trinh tĩnh nhu mì, tự nhiên không phạm chuyện dâm dật.

Nhân kỵ (tiếp)

Mục	Nội dung 2
Sau sinh	Phạm trong hơn mười ngày đầu thì người vợ nhất định chết; phạm trong một trăm ngày đầu thì người vợ nhất định mắc bệnh.
Khi có kinh nguyệt	Phạm thì thành chứng ‘huyết ma’ (血麻证), cả nam lẫn nữ đều mắc bệnh.
Chiếu tre	Tre có tính lạnh mát, phạm thì dễ nhiễm khí lạnh.
Chăn mỏng	Phạm thì khí lạnh vào xương.
Nên tránh gió lùa qua khe cửa; nên kiêng khi lên giường lúc đêm khuya.	—
Vừa giao hợp xong, nếu trẻ bên cạnh khóc thì đừng cho bú ngay.	—
Sau giao hợp đừng quạt ngay hoặc uống trà, nước lạnh; vì nếu nhiễm lạnh quá mức có thể chết ngay.	—

Mục	Nội dung 2
Đừng giao hợp hai lần trong một đêm.	—
Đừng dùng phương thuốc kích dục, tà dược.	—
Đừng nín giữ, không xuất tinh.	—
Mắc bệnh; nổi nhọt; lên đậu	Chưa hoàn toàn bình phục thì tuyệt đối không được phạm; phạm thì phần lớn sẽ chết.
Bệnh mắt	Chưa khỏi hoặc vừa mới khỏi mà phạm thì nhất định mù.
Chứng hư lao	Dù đã dưỡng sức khỏe lại, vẫn phải dứt chuyện dục một năm. Nếu cho rằng đã bình phục mà phạm thì phần lớn sẽ chết.
Tổn thương gân xương	Sau khi khỏi vẫn phải kiêng một trăm bảy mươi đến một trăm tám mươi ngày. Chưa qua một trăm ngày mà phạm thì nhất định chết; dù đã qua cũng nhất định thành tàn phế.

Mục	Nội dung 2
Làm lụng quá sức; lo nghĩ quá nhiều; quá nóng; quá kinh sợ; quá buồn rầu	Đều không được phạm. Phạm thì nhẹ mắc bệnh dai dẳng, nặng chết ngay.

Lời kết của nguồn

Ngoài những kỳ kiêng từng tháng và các ngày ‘thiên kỵ’, ‘nhân kỵ’ nói trên, mỗi tháng vẫn còn sáu, bảy ngày không vướng điều kỵ nào. Nguồn cho rằng người biết giữ thân vốn chỉ nên giao hợp nhiều nhất ‘ba, bốn lần’ mỗi tháng, nhờ đó bệnh tật không xâm phạm, tinh thần vững mạnh; lại khẳng định người ít dục nhất định sinh nhiều con trai, con cháu cũng nhất định khỏe mạnh. Những người trẻ mới cưới thường buông dục làm hại thân, khiến duyên tốt trăm năm hao tổn gần hết chỉ trong chốc lát, thật đáng buồn! Sao không ‘cẩn thận giữ kỳ kiêng’, bảo thân lập mệnh, để về sau có cảnh vợ chồng kính trọng nhau đến già, niềm vui đông con cháu và hạnh phúc gia đình trọn vẹn?

Ghi chú về những điểm chưa rõ trong nguồn

- Mồng 1 tháng 7 và tháng 10 đều in “月晦”, ngày hối cuối tháng; bản dịch giữ nguyên, không tự đổi thành ngày sóc.
- Ngày đầu tiên của bảng dương thác in “申寅” (Thân Dần). Giữ chữ này để đối chiếu, không tự sửa thành Giáp Dần.
- Mồng 6 tháng 12 in “天仓开月”, khác với bản web chép “天仓开日”. Bản dịch giữ “tháng” của bản in và ghi rõ dị bản “ngày”.
- “失瘚” ở tháng 4 là chữ còn chưa rõ; không tự xác định một bệnh hay một quả báo khác.
- Lời phê nguồn nói 225 ngày, trong khi bảng có 216 nhóm ngày ghi số rõ ràng, thêm điều kiện riêng về ngày Mậu trong mười ngày đầu tháng 12. Hai con số không cùng một phép đếm đã được xác minh; không thêm chín ngày để làm chúng khớp nhau.

Nguồn đối chiếu trực tuyến: https://www.jiexieyin.cn/post/1553.html . Bản PDF lưu cùng hồ sơ đối chiếu nguồn; phần sau bảng khớp mục tiếp theo tại https://www.jiexieyin.cn/post/1554.html .